

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 854/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1020/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã M, huyện A, Hải Phòng; hiện trú tại: Pxx Đ, phường H, quận H, Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn L xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L ở thôn L,

xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng một thời gian thì vợ chồng chị chuyển lên Hà Nội làm ăn, thời gian đầu thuê nhà trọ, sau chuyển về ở nhà anh trai chị tại địa chỉ: Pxx Đ, phường H, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng trong mọi lĩnh vực, vợ chồng không tin tưởng và không tôn trọng nhau. Trong việc làm kinh tế vợ chồng được sự hỗ trợ, giúp đỡ của anh trai chị nhưng anh L không tu chí, anh chơi bời, nợ nần. Năm 2013 anh L đưa con chung về sống cùng bố mẹ anh còn chị ở lại Hà Nội làm việc. Thời gian này anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị biết sự việc và anh L xin lỗi chị và chị cho anh cơ hội nhưng anh L không thay đổi cách sống. Đến năm 2015 chị đón con lên Hà Nội sống cùng chị, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L thường xuyên gọi điện, nhắn tin đe dọa, chửi xúc phạm chị và gia đình chị. Chị xét tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn L có 01 con chung là Phạm Hữu D, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Phạm Văn L không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết việc chị Vũ Thị Thu H xin ly hôn, nuôi con nên không có lời khai của anh Phạm Văn L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Vũ Thị Thu H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Phạm Văn L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn L không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Vũ Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn L; về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Phạm Hữu D, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Vũ Thị Thu H nuôi con Phạm Hữu D cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn L; về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Vũ Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H vắng mặt nhưng chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Thu H và anh Phạm Văn L.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thu H và anh Phạm Văn L xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện A, Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách lối sống không phù hợp nhau, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mọi lĩnh vực, sống không tôn trọng nhau nên nhiều lần xảy ra cãi nhau, mặc dù đã được gia đình khuyên can nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân nhau thời gian dài không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Phạm Hữu D, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi con. Xét hiện nay chị H có việc làm, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Cháu Phạm Hữu D có đơn đề nghị ở với chị H. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con Phạm Hữu D cho chị Vũ Thị Thu H nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị Vũ Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Vũ Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao con Phạm Hữu D, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2007 cho chị Vũ Thị Thu H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016762 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Vũ Thị Thu H và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

